TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 780/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Đ**, sinh năm: 1991

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: Xóm X, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: tổ M1, ấp B (ấp X mới), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Đ và ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An vào ngày 15/02/2016. Trong thời gian chung sống, ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên cờ bạc, uống rượu, khiến cho hai vợ chồng xảy ra nhiều bất hòa trong cuộc sống. Bà đã nhiều lần suy nghĩ đến việc ly hôn nhưng được sự động việc của gia đình nội ngoại hai bên cũng như mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để tìm kiếm một đứa con chung nhằm ràng buộc tình cảm vợ chồng lại gần nhau hơn. Tuy nhiên, ông Đ chứng nào tật ấy vẫn thường xuyên lén lút qua lại với người phụ nữ khác. Đến khoảng tháng 10/2019 bà không chịu được cảnh chung sống khi hàng ngày chứng kiến ông Đ qua lại với người khác đồng thời về nhà còn hăm dọa bà với những lời lẽ xúc phạm nên bà bỏ về quê mẹ ruột sinh sống, đi làm và chăm sóc mẹ già. Từ đó đến nay, bà và ông Đ không thường xuyên liên lạc với nhau, gần như đến nay tình cảm vợ chồng không còn, bà nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã trở nên quá trầm trọng, vượt quá giới hạn khả năng chịu đựng của bản thân, vợ chồng không còn dành cho nhau sự tôn trọng, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm để tiếp tục cuộc sống hôn nhân, bà nhận thấy cuộc sống gia đình rất nặng nề, căng thẳng và đến nay không thể tiếp tục được nữa dù bà đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua cho chồng. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 01 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị Đ có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chung sống xảy ra bất đồng quan điểm nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ.

Về con chung; Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề nghị Hội đồng xét xử: chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thị Đ khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ và bị đơn ông Nguyễn Thành Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 đăng ký ngày 15/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Thành Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị Đ: Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ với lý do trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân nặng nề, căng thẳng vượt quá khả năng chịu đựng của bà Đ, tình cảm vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân.

[5] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

[6] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

[7] Tại bản tự khai, ông Nguyễn Thành Đ xác nhận trong cuộc sống hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ. Ngoài ra, bà Đ và ông Đ đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Đ yêu cầu

ly hôn và được ông Đ đồng ý chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn.

[8] Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về con chung: Bà Đ và ông Đ đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về tài sản chung: Bà Đ và ông Đ đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về nợ chung: Bà Đ và ông Đ đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Đ về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Đ được ly hôn với Nguyễn Thành Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 đăng ký ngày 15/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Thành Đ đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Thành Đ đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Thành Đ đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Hoàng Thị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000298 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà Hoàng Thị Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Thành Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Tuyền